



CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM
Cao ốc VFC Tower, 29 Tôn Đức Thắng, P.Bến Nghé, Q.1, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán quý 2 từ ngày 01/04/2017 đến ngày 30/06/2017



CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAM

Cao ốc VFC Tower, 29 Tôn Đức Thắng, P.Bến Nghé, Q.1, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán quý 2 từ ngày 01/04/2017 đến ngày 30/06/2017

Gồm có:

- 01- Bảng cân đối kế toán*
- 02- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*
- 03- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ*
- 04- Thuyết minh báo cáo tài chính*

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAMĐịa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường
Bến Nghé, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30/06/2017

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Kỳ kế toán quý 2 từ ngày 01/04/2017 đến ngày 30/06/2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
1	2	3	4	5
A – TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,215,110,607,550	1,094,450,717,775
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	266,754,566,457	170,421,209,496
1. Tiền	111		66,754,566,457	170,421,209,496
2. Các khoản tương đương tiền	112		200,000,000,000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	40,000,000,000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	40,000,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		475,009,856,237	496,079,264,032
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	478,969,213,803	485,386,376,288
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		8,665,586,406	13,726,333,045
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	18,588,551,600	28,053,174,061
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.5	(31,213,495,572)	(31,086,619,362)
IV. Hàng tồn kho	140		468,586,912,463	383,966,046,416
1. Hàng tồn kho	141	V.6	472,198,848,521	389,184,418,157
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(3,611,936,058)	(5,218,371,741)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4,759,272,393	3,984,197,831
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.1	3,212,028,289	2,999,546,007
2. Thuê và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1,547,244,104	984,651,824
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		445,425,606,102	405,120,755,728
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2,212,715,323	1,726,909,053
1. Phải thu dài hạn khác	216		2,212,715,323	1,726,909,053
II. Tài sản cố định	220		104,444,036,500	108,206,376,298
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	39,651,134,889	42,185,865,874
- Nguyên giá	222		138,441,620,096	137,986,315,607
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(98,790,485,207)	(95,800,449,733)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	64,792,901,611	66,020,510,424

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAMĐịa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường
Bến Nghé, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30/06/2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
1	2	3	4	5
- Nguyên giá	228		71,689,134,273	72,421,738,273
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(6,896,232,662)	(6,401,227,849)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.10	36,756,561,153	36,942,109,304
- Nguyên giá	231		44,603,063,575	44,408,609,100
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(7,846,502,422)	(7,466,499,796)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		93,108,541,135	51,058,197,951
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.7	93,108,541,135	51,058,197,951
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	204,014,855,362	204,165,005,362
1. Đầu tư vào công ty con	251		9,573,191,264	9,573,191,264
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		193,304,814,098	193,304,814,098
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2,249,390,000	2,249,390,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(1,112,540,000)	(962,390,000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4,888,896,629	3,022,157,760
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	4,888,896,629	3,022,157,760
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,660,536,213,652	1,499,571,473,503
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
1	2	3	4	5
C – NỢ PHẢI TRẢ	300		864,645,313,641	727,410,912,074
I. Nợ ngắn hạn	310		762,660,850,853	649,748,197,952
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	422,805,361,995	386,154,563,719
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1,748,481,580	1,853,592,983
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	13,618,509,172	14,057,459,126
4. Phải trả người lao động	314		19,214,545,992	27,823,224,782
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	12,715,087,335	10,418,725,665
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	120,158,505,935	122,697,645,289
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	169,282,962,934	86,151,804,396
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3,117,395,910	591,181,992
II. Nợ dài hạn	330		101,984,462,788	77,662,714,122
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	36,830,696,620	36,796,348,200
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13b	65,153,766,168	40,866,365,922
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		795,890,900,011	772,160,561,429
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	795,890,900,011	772,160,561,429
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		237,701,890,000	182,854,360,000
+ Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		237,701,890,000	182,854,360,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	26,763,978,592
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(20,000,000)	(20,000,000)

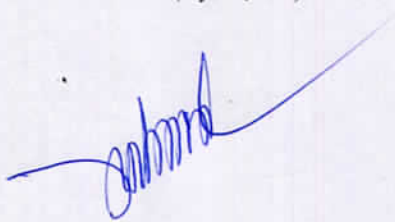
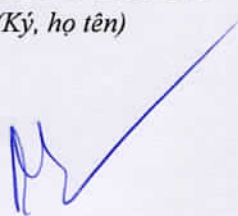
CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường
Bến Nghé, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30/06/2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
1	2	3	4	5
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		203,462,343,942	231,545,895,350
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		19,147,555,911	26,976,673,911
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		335,599,110,158	304,039,653,576
+ LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		297.492.195.476	187,681,794,941
+ LNST chưa phân phối kỳ này	421b		38,106,914,682	116,357,858,635
Tổng cộng nguồn vốn	440		1,660,536,213,652	1,499,571,473,503

NGƯỜI LẬP BIỂU*(Ký, họ tên)***Phạm Thị Ngọc Phương****KẾ TOÁN TRƯỞNG***(Ký, họ tên)***Trần Văn Dũng***Lập, ngày 18 tháng 07 năm 2017***TỔNG GIÁM ĐỐC***(Ký, họ tên, đóng dấu)***Trương Công Cứ**

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường
Bến Nghé, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30/06/2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số B 02 – DN

Kỳ kế toán quý 2 từ ngày 01/04/2017 đến ngày 30/06/2017

Stt	Diễn giải	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước	Lũy kế kỳ này	Lũy kế kỳ trước
100	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	631,108,884,793	646,901,287,325	1,134,561,632,951	1,173,417,476,355
110	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.2	41,680,149,187	24,067,702,711	70,912,180,860	55,430,183,794
120	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV		589,428,735,606	622,833,584,614	1,063,649,452,091	1,117,987,292,561
130	4. Giá vốn hàng bán	VI.3	445,144,778,324	456,724,028,945	809,448,814,817	811,882,589,999
140	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV		144,283,957,282	166,109,555,669	254,200,637,274	306,104,702,562
150	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	4,186,631,226	2,567,512,023	8,633,785,097	5,429,210,995
160	7. Chi phí tài chính	VI.5	3,241,551,537	3,885,327,160	5,182,393,537	6,212,087,553
161	- trong đó: chi phí lãi vay		725,071,944	934,756,289	1,838,416,175	1,235,070,635
170	8. Chi phí bán hàng	VI.6	93,836,308,836	86,751,070,807	166,218,269,231	177,782,069,211
180	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.7	10,252,730,183	15,173,459,030	19,129,804,723	27,219,633,696
190	10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD		41,139,997,952	62,867,210,695	72,303,954,880	100,320,123,097
200	11. Thu nhập khác		8,265,856,856	1,715,385,950	14,722,055,458	3,148,505,143
210	12. Chi phí khác		1,491,469,387	2,702,265,328	2,681,713,615	6,085,558,406
220	13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)		6,774,387,469	(986,879,378)	12,040,341,843	(2,937,053,263)
230	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		47,914,385,421	61,880,331,317	84,344,296,723	97,383,069,834
240	15. Chi phí TNDN hiện hành	VI.8	9,807,470,739	12,601,002,646	17,309,954,857	20,295,686,656
250	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN		38,106,914,682	49,279,328,671	67,034,341,866	77,087,383,178

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)



Phạm Thị Ngọc Phương

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)



Trần Văn Dũng

Lập, ngày 18 tháng 07 năm 2017

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Trương Công Cứ

Trang 4

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Mẫu số B 03 – DN

Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2017	Năm 2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	84,344,296,723	97,383,069,834
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02	6,818,794,552	6,961,849,401
Các khoản dự phòng	03	(1,329,409,473)	(22,087,953,729)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(19,962,430,893)	(1,779,143,620)
Chi phí lãi vay	06	1,838,416,175	1,235,070,635
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	71,709,667,084	81,712,892,521
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(96,433,007,309)	(68,101,839,965)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	83,014,430,364	42,073,204,492
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(27,833,690,222)	(52,674,094,653)
Tăng giảm chi phí trả trước	12	(2,079,221,151)	381,923,027
Tiền lãi vay đã trả	14	(3,023,654,345)	(1,235,070,635)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(17,212,779,001)	(16,483,023,649)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	49,999,999	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(7,468,400,000)	(22,427,098,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	723,345,418	(36,753,106,862)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(44,363,239,060)	(5,854,345,688)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	16,962,805,910	144,181,818
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	40,000,000,000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2,999,624,983	1,634,961,802
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	15,599,191,833	(4,075,202,068)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường
Bến Nghé, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam,

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

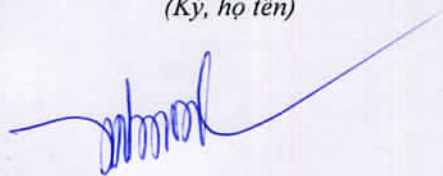
Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30/06/2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2017	Năm 2016
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	6,741,100,000
2. Tiền thu từ đi vay	33	300,204,485,502	188,770,470,280
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(192,785,926,718)	(138,696,780,800)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(27,407,739,075)	(35,203,524,200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	80,010,819,709	21,611,265,280
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	96,333,356,961	(19,217,043,650)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	170,421,209,496	167,945,742,218
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	266,754,566,457	148,728,698,568

Lập, ngày 18 tháng 07 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

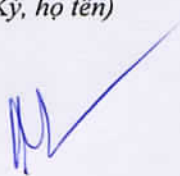
(Ký, họ tên)



Phạm Thị Ngọc Phương

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)



Trần Văn Dũng

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Trương Công Cứ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán Quý 2 từ ngày 01/04/2017 đến ngày 30/06/2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam, tên giao dịch quốc tế Viet Nam Fumigation Joint stock Company, viết tắt là VFC, được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước Công ty Khử trùng Việt Nam trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn theo Quyết định số 70/QĐ-TTg ngày 03 tháng 05 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0302327629, đăng ký lần đầu ngày 31/12/2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và đăng ký thay đổi lần 24 ngày 5/8/2016.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 29 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là 237.701.890.000 đồng, được chia thành 23.770.189 cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Tổng hợp nhiều lĩnh vực kinh doanh bao gồm: Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói: thuốc bảo vệ thực vật, vật tư bảo vệ thực vật, vật tư khử trùng (không sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói tại trụ sở);
- Cung cấp dịch vụ khử trùng, diệt sinh vật gây hại nông lâm sản và các vật thể khác;
- Mua bán: thuốc bảo vệ thực vật, vật tư bảo vệ thực vật, vật tư khử trùng. Mua bán vật tư, hóa chất phục vụ cho sản xuất nông nghiệp (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Bán buôn phân bón. Bán buôn hóa chất thuộc lĩnh vực công nghiệp, hóa chất thuộc lĩnh vực phụ gia thực phẩm. Bán buôn chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn.
- Dịch vụ xử lý, bảo dưỡng, vệ sinh môi trường trong nhà máy, kho tàng, văn phòng cơ quan, các công trình xây dựng. Dịch vụ chống mối mọt. Dịch vụ trừ mối cho các công trình xây dựng - đề đập - khách sạn - nhà hàng;
- Cho thuê văn phòng. Cho thuê kho bãi;
- Giám định hàng hóa: số lượng, chất lượng, quy cách, bao bì, giá trị hàng hóa, tổn thất, an toàn, vệ sinh và các yêu cầu giám định khác. Giám sát thi công và lắp đặt máy móc thiết bị. Tư vấn đầu tư;
- Nhân và chăm sóc giống cây nông nghiệp;
- Bán buôn bắp giống và các loại hạt ngũ cốc khác (trừ lúa, gạo) (thực hiện theo Thông tư 34/2013/TT-BTC).
- Đóng gói giống cây trồng

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường

Bến Nghé, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30/06/2017

4. Cấu trúc doanh nghiệp*Công ty có các chi nhánh sau:*

1	Chi nhánh Phía Bắc	147 Hồ Đắc Di, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, Tp.Hà Nội
2	Chi nhánh Đà Nẵng	292 Đường 2/9 P.Hòa Cường Bắc, Q.Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
3	Chi nhánh Quy Nhơn	Số 263 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Tp.Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
4	Chi nhánh Nha Trang	Số 7 Nguyễn Thiện Thuật, Phường Lộc Thọ, Tp.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
5	Chi nhánh Đak Lak	Số 170 Chu văn An, P.Tân An, Tp.Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
6	Chi nhánh Cần Thơ	Lô 30A3-3 KCN Trà Nóc I, Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, Tp.Cần Thơ
7	Chi nhánh An Giang	Số 612, Quốc lộ 91, Ấp Bình Phú 2, Xã Bình Hòa, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang
8	Chi nhánh Kiên Giang	Số 304A, Quốc lộ 61, Ấp Hòa Thuận, Xã Vĩnh Hòa Hiệp, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang
9	Chi nhánh Long An	Quốc lộ 62, Ấp 1, Xã Tân Lập, H.Mộc Hóa, Tỉnh Long An
10	Chi nhánh Sóc Trăng	Ấp An Trạch, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng
11	Chi nhánh Đồng Tháp	Số 154 Lê Duẩn, Phường Mỹ Phú, Tp.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
12	Chi nhánh Đồng Nai	32 Quốc Lộ 1, Ấp Hưng Nghĩa, Xã Hưng Lộc, Huyện Thống Nhất, Tỉnh Đồng Nai
13	Chi nhánh Đức Hòa Long An	Lô B 107 KCN Thái Hòa, Ấp Tân Lập, Xã Đức Lập Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An.
14	Chi nhánh HCM	Số 37, Nguyễn Trung Ngạn, P.Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
15	Văn phòng Bình Dương	5/2 Ấp 1B Xã An Phú, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương
16	Kho Hóc Môn	49 Nguyễn Ảnh Thủ, P. Hiệp Thành, Quận 12

Công ty có công ty con

1. Công Ty VFC Cambo Limited

Địa chỉ 428, 26BT, Khom Thnot Chrom, Bang Tom Punh, Khan Mean Chey, Phnom Penh

I. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Kỳ kế toán**

– Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm theo năm dương lịch.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

II. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

- Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Hình thức kế toán áp dụng

- Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TRONG TRƯỜNG HỢP DOANH NGHIỆP HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

1. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của từng khoản nợ hoặc mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra đối với từng khoản nợ phải thu.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ được thực hiện theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, thời gian ước tính như sau:

- Nhà, vật kiến trúc	05 -25	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 08	năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10	năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05	năm
- Phần mềm máy tính	03	năm
- Quyền sử dụng đất có thời hạn	Theo thời hạn giao đất	

6. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.

7. Các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

9. Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

10. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

11. Các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

13. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

14. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường
Bến Nghé, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30/06/2017

15. Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

16. Các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

17. Phân phối lợi nhuận

Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam

Hàng năm, Hội đồng quản trị xây dựng phương án phân phối lợi nhuận để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định tại Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

<i>1. Tiền</i>	<i>Đơn vị tính:</i>	
	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu kỳ</i>
- Tiền mặt	11,245,534,724	18,386,454,050
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	55,509,031,733	152,034,755,446
- Các khoản tương đương tiền	200,000,000,000	-
<i>Cộng</i>	<u>266,754,566,457</u>	<u>170,421,209,496</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAMĐịa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường
Bến Nghé, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30/06/2017

2. Các khoản đầu tư tài chính*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
	204,014,855,362	204,165,005,362

- Đầu tư vào công ty con

	9,573,191,264	9,573,191,264
--	---------------	---------------

+ Giá gốc

	9,573,191,264	9,573,191,264
--	---------------	---------------

+ Dự phòng

	-	-
--	---	---

- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết;

	193,304,814,098	193,304,814,098
--	-----------------	-----------------

+ Giá gốc

	193,304,814,098	193,304,814,098
--	-----------------	-----------------

*+ Dự phòng**- Đầu tư vào đơn vị khác;*

	1,136,850,000	1,287,000,000
--	---------------	---------------

+ Giá gốc

	2,249,390,000	2,249,390,000
--	---------------	---------------

+ Dự phòng

	(1,112,540,000)	(962,390,000)
--	-----------------	---------------

Lượng CP đầu tư vào Cty BVTV Sài Gòn : 71.500CP

Cộng

	204,014,855,362	204,165,005,362
--	------------------------	------------------------

3. Phải thu của khách hàng

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
--	----------------	---------------

	478,969,213,803	485,386,376,288
--	-----------------	-----------------

*- Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng không có***4. Phải thu khác**

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
--	----------------	---------------

*a) Ngắn hạn**- Thuế GTGT hàng nhập khẩu tạm kê khai khấu trừ*

	-	115,488,400
--	---	-------------

- Phải thu về khách hàng liên quan mua lại đất

	1,211,742,000	1,211,742,000
--	---------------	---------------

- Phải thu người lao động về thuế TNCN nộp hộ

	28,071,968	816,654,238
--	------------	-------------

- Phải thu về chiết khấu mua hàng của nhà cung cấp

	6,567,745,818	17,233,057,760
--	---------------	----------------

- Phải thu khác.

	3,316,860,511	3,922,086,225
--	---------------	---------------

- Tạm ứng

	5,183,404,911	2,689,823,483
--	---------------	---------------

- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn

	2,280,726,392	2,064,321,955
--	---------------	---------------

Cộng

	18,588,551,600	28,053,174,061
--	-----------------------	-----------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAMĐịa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường
Bến Nghé, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30/06/2017

b) Dài hạn

- Ký quỹ, ký cược dài hạn	2,212,715,323	1,726,909,053
Cộng	2,212,715,323	1,726,909,053

5. Nợ xấu*Cuối kỳ**Đầu kỳ**- Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán*

+ Giá gốc nợ	13,956,585,880	19,502,327,879
+ Giá trị có thể thu hồi	8,292,434,736	11,169,654,185
<i>- Tổng giá trị các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi</i>		

+ Giá gốc nợ	27,089,259,303	24,795,040,414
+ Giá trị có thể thu hồi	1,539,914,875	2,041,094,747

6. Hàng tồn kho:*Cuối kỳ**Đầu kỳ*

- Hàng đang đi trên đường;	23,109,932,037	12,190,944,800
- Nguyên liệu, vật liệu;	157,214,914,562	140,993,623,339
- Công cụ, dụng cụ;	1,837,207,866	1,521,540,078
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang;	6,967,868,717	5,803,468,343
- Thành phẩm;	47,688,377,141	46,118,535,959
- Hàng hóa;	235,380,548,198	182,556,305,638
Cộng	472,198,848,521	389,184,418,157

7. Tài sản dở dang dài hạn*Xây dựng cơ bản dở dang**Cuối kỳ**Đầu kỳ*

+ Dự án Nhà máy thuốc Thuốc BVTV Tại Long An	93,108,541,135	51,027,768,451
+ Dự án PCCC Kho Hóc Môn		30,429,500
Cộng	93,108,541,135	51,058,197,951

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Phụ lục 1 trang 25

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường

Bến Nghé, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30/06/2017

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

<i>Khoản mục</i>	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>TSCĐ vô hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Số dư Đầu kỳ	68,348,995,773	4,072,742,500	72,421,738,273
- Mua trong năm	-	258,421,000	258,421,000
- Thanh lý, nhượng bán	991,025,000		
Số dư Cuối kỳ	67,357,970,773	4,331,163,500	71,689,134,273
Giá trị hao mòn lũy kế			-
Số dư Đầu kỳ	3,660,322,700	2,740,905,149	6,401,227,849
- Khấu hao trong năm	222,582,126	272,422,687	495,004,813
Số dư Cuối kỳ	3,882,904,826	3,013,327,836	6,896,232,662
Giá trị còn lại			-
- Tại ngày Đầu kỳ	64,688,673,073	1,331,837,351	66,020,510,424
- Tại ngày Cuối kỳ	63,475,065,947	1,317,835,664	64,792,901,611
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng:			2,286,049,344

10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư:

<i>Khoản mục</i>	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Nhà, Văn phòng làm việc</i>	<i>Tổng cộng</i>
a) Bất động sản đầu tư cho thuê			
Nguyên giá			
Số dư Đầu kỳ	7,619,891,500	19,555,738,511	27,175,630,011
- Mua trong năm	854,400,000	268,800,000	1,123,200,000
- Giảm khác	928,745,525	-	928,745,525
Số dư Cuối kỳ	7,545,545,975	19,824,538,511	27,370,084,486
Giá trị hao mòn lũy kế			-
Số dư Đầu kỳ		7,466,499,796	7,466,499,796
- Khấu hao trong năm		380,002,626	380,002,626
Số dư Cuối kỳ	-	7,846,502,422	7,846,502,422
Giá trị còn lại			-
- Tại ngày Đầu kỳ	7,619,891,500	12,089,238,715	19,709,130,215
- Tại ngày Cuối kỳ	7,545,545,975	11,978,036,089	19,523,582,064

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường

Bến Nghé, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30/06/2017

*b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá***Nguyên giá**

Số dư Đầu kỳ	14,114,019,089	3,118,960,000	17,232,979,089
--------------	----------------	---------------	----------------

Số dư Cuối kỳ	14,114,019,089	3,118,960,000	17,232,979,089
---------------	----------------	---------------	----------------

Giá trị hao mòn lũy kế			-
------------------------	--	--	---

Số dư Đầu kỳ		-	-
--------------	--	---	---

Số dư Cuối kỳ	-	-	-
---------------	---	---	---

Giá trị còn lại			-
-----------------	--	--	---

- Tại ngày Đầu kỳ	14,114,019,089	3,118,960,000	17,232,979,089
-------------------	----------------	---------------	----------------

- Tại ngày Cuối kỳ	14,114,019,089	3,118,960,000	17,232,979,089
--------------------	----------------	---------------	----------------

11. Chi phí trả trước**Cuối kỳ****Đầu kỳ***a) Ngắn hạn*

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng;	2,215,365,585	2,151,001,028
-------------------------------	---------------	---------------

- Chi phí thuê VP, kho bãi	843,430,368	393,650,000
----------------------------	-------------	-------------

- Bảo hiểm	2,570,492	264,608,292
------------	-----------	-------------

- Chi phí trả trước khác	150,661,844	190,286,687
--------------------------	-------------	-------------

Cộng	3,212,028,289	2,999,546,007
-------------	----------------------	----------------------

b) Dài hạn

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng;	3,937,639,940	2,945,736,780
-------------------------------	---------------	---------------

- Chi phí thuê VP, kho bãi	433,256,689	76,420,980
----------------------------	-------------	------------

- Chi phí trả trước khác	518,000,000	
--------------------------	-------------	--

Cộng	4,888,896,629	3,022,157,760
-------------	----------------------	----------------------

12. Vay và nợ thuê tài chính**Cuối kỳ****Đầu kỳ****Vay ngắn hạn**

+ Giá trị	169,282,962,934	86,151,804,396
-----------	-----------------	----------------

+ Số có khả năng trả nợ	169,282,962,934	86,151,804,396
-------------------------	-----------------	----------------

- Trong năm

+ Lũy kế phát sinh tăng trong năm	275,917,085,256	515,880,324,425
-----------------------------------	-----------------	-----------------

+ Lũy kế phát sinh giảm trong năm	192,785,926,718	429,728,520,029
-----------------------------------	-----------------	-----------------

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường

Bến Nghé, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30/06/2017

Vay dài hạn

+ Giá trị	65,153,766,168	40,866,365,922
+ Số có khả năng trả nợ	65,153,766,168	40,866,365,922
- Trong năm		
+ Lũy kế phát sinh tăng trong năm	24,287,400,246	40,866,365,922
+ Lũy kế phát sinh giảm trong năm		

13. Phải trả người bán

	<i>Cuối kỳ</i>		<i>Đầu kỳ</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
- Chi tiết cho từng đối tượng chiếm từ 10% trở lên trên tổng số phải trả;				
- Công Ty TNHH Syngenta Việt Nam	279,998,612,559	279,998,612,559	292,972,871,305	292,972,871,305
Itochu Chemical				
- Frontier Corporation	45,969,906,800	45,969,906,800	50,127,845,600	50,127,845,600
- Phải trả cho các đối tượng khác	96,836,842,636	96,836,842,636	43,053,846,814	43,053,846,814
Cộng	<u>422,805,361,995</u>	<u>422,805,361,995</u>	<u>386,154,563,719</u>	<u>386,154,563,719</u>

14. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp nhà nước

Phụ lục 2 trang 26

15. Chi phí phải trả

Ngắn hạn

- Chi phí trích trước chính sách bán hàng

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu kỳ</i>
	12,715,087,335	10,418,725,665
Cộng	<u>12,715,087,335</u>	<u>10,418,725,665</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường

Bến Nghé, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30/06/2017

16. Phải trả khác	Cuối kỳ	Đầu kỳ
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn;	943,530,658	881,752,118
- Bảo hiểm xã hội;	15,558,495	19,343,218
- Bảo hiểm y tế;	6,355,347	-
- Bảo hiểm thất nghiệp;	969,343	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn;	129,850,050	134,850,050
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả;	17,414,925	-
- Phải trả lại thuế TNCN thu thừa của CBCNV	1,385,979,833	698,359,071
- Tiền mượn công ty TNHH Hải Yến	116,500,000,000	116,500,000,000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1,158,847,284	4,463,340,832
Cộng	120,158,505,935	122,697,645,289
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2,045,796,620	2,011,448,200
- Phải trả tiền nhận ủy thác góp vốn vào Cty TNHH Hải Yến	34,784,900,000	34,784,900,000
Cộng	36,830,696,620	36,796,348,200
17. Vốn chủ sở hữu		
a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu		
Xem phụ lục 3 trang 27		
b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Vốn góp của các cổ đông	237,701,890,000	182,854,360,000
Cộng	237,701,890,000	182,854,360,000
c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	237,701,890,000	182,854,360,000
+ Vốn góp Đầu kỳ	182,854,360,000	176,854,360,000
+ Vốn góp tăng trong năm	54,847,530,000	6,000,000,000
+ Vốn góp Cuối kỳ	237,701,890,000	182,854,360,000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường
Bến Nghé, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30/06/2017

<i>d) Cổ phiếu</i>	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu kỳ</i>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành:	23,770,189	18,285,436
+ Số lượng cổ phiếu phổ thông trước khi phát hành thêm	18,285,436	18,285,436
+ Số lượng cổ phiếu phổ thông phát hành thêm	5,484,753	
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng:	23,770,189	18,285,436
+ Số lượng cổ phiếu phổ thông trước khi phát hành thêm	18,285,436	18,285,436
+ Số lượng cổ phiếu phổ thông phát hành thêm	5,484,753	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ):	2,000	2,000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành:	23,768,189	18,283,436
+ Số lượng cổ phiếu phổ thông trước khi phát hành thêm	18,283,436	18,283,436
+ Số lượng cổ phiếu phổ thông phát hành thêm	5,484,753	-

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

<i>e) Cổ tức đã trả</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
Cổ tức đã trả của cổ phiếu phổ thông	27,425,154,000	35,218,652,000

f) Các quỹ của doanh nghiệp:

+ Quỹ đầu tư phát triển;	203,462,343,942	231,545,895,350
+ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	17,475,127,025	17,475,127,025
+ Quỹ Hoạt động xã hội	1,672,428,886	9,501,546,886
Cộng	<u>222,609,899,853</u>	<u>258,522,569,261</u>

18. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
<i>a) Tài sản nhận giữ hộ:</i>		73,655,802,757
<i>b) Ngoại tệ các loại:</i>		
USD	332,488.65	74,132.10
<i>c) Nợ khó đòi đã xử lý:</i>	34,787,631,656	33,707,856,188

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

<i>1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
<i>a) Doanh thu</i>		
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	549,672,749,603	569,857,873,937
- Doanh thu cung cấp dịch vụ;	78,732,200,662	74,590,814,007
- Doanh thu BĐS đầu tư	2,703,934,528	2,452,599,381
Cộng	631,108,884,793	646,901,287,325
 <i>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</i>		
- Chiết khấu thương mại;	41,680,149,187	24,067,702,711
Cộng	41,680,149,187	24,067,702,711
 <i>3. Giá vốn hàng bán</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
- Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán;	408,111,438,444	418,092,599,883
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp;	46,766,724,171	43,829,212,992
- Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư;	190,001,313	202,923,870
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;	2,370,639,650	-
- Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán.	(12,294,025,254)	(5,400,707,800)
Cộng	445,144,778,324	456,724,028,945
 <i>4. Doanh thu hoạt động tài chính</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1,604,089,697	724,303,007
- Cổ tức, lợi nhuận được chia;	143,000,000	71,500,000
- Lãi chênh lệch tỷ giá;	427,929,461	170,686,204
- Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán;	2,011,595,000	1,601,022,812
- Doanh thu hoạt động tài chính khác.	17,089	-
Cộng	4,186,631,226	2,567,512,023

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAMĐịa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường
Bến Nghé, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30/06/2017

5. Chi phí tài chính	Kỳ này	Kỳ trước
- Lãi tiền vay;	725,071,944	934,756,289
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm;	1,986,262,533	3,305,239,195
- Lỗ chênh lệch tỷ giá;	108,367,060	317,431,676
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư;	421,850,000	(672,100,000)
Cộng	3,241,551,537	3,885,327,160
6. Thu nhập khác	Kỳ này	Kỳ trước
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ;	5,489,589,145	284,181,818
- Lãi do đánh giá lại tài sản;	96,038,834	2,474,176
- Các khoản khác.	2,680,228,877	1,428,729,956
Cộng	8,265,856,856	1,715,385,950
7. Chi phí khác	Kỳ này	Kỳ trước
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ;	-	530,389,720
- Các khoản bị phạt;	6,545,420	743,131,485
- Các khoản khác.	1,484,923,967	1,428,744,123
Cộng	1,491,469,387	2,702,265,328
8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Kỳ này	Kỳ trước
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
+ Chi phí lương và chi phí khác	88,691,015,639	60,033,361,846
+ Chi phí khấu hao	1,564,228,884	1,472,678,901
+ Chi phí dịch vụ mua ngoài	3,581,064,313	25,245,030,060
Cộng	93,836,308,836	86,751,070,807
b) Các khoản chi phí QLDN phát sinh trong kỳ		
+ Chi phí lương và chi phí khác	8,686,565,991	14,463,990,830
+ Chi phí khấu hao	791,886,637	803,701,417
+ Chi phí dịch vụ mua ngoài	774,277,555	(94,233,217)
Cộng	10,252,730,183	15,173,459,030

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường
Bến Nghé, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30/06/2017

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu;	416,760,700,924	426,968,948,520
- Chi phí nhân công; và chi phí khác	119,852,685,182	109,560,751,564
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	3,198,309,195	3,247,481,509
- Chi phí dịch vụ mua ngoài;	5,556,371,801	9,978,190,748
Cộng	545,368,067,102	549,755,372,341

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	9,807,470,739	12,601,002,646

11. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30/06/2017 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 18 tháng 07 năm 2017.



Phạm Thị Ngọc Phương

Người lập

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 07 năm 2017

Trần Văn Dũng

Kế toán trưởng

Trương Công Cứ

Tổng giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường
Bến Nghé, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30/06/2017

Phụ lục 1**8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:**

<i>Khoản mục</i>	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị dụng cụ quản lý</i>	<i>TSCĐ hữu hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá						
<i>Số dư Đầu kỳ</i>	44,835,019,972	11,037,599,159	77,965,422,520	4,025,393,456	122,880,500	137,986,315,607
- Mua trong năm	-	32,400,000	2,469,630,682	2,095,771,000	416,978,000	5,014,779,682
- Thanh lý, nhượng bán	3,508,434,805	31,700,000	1,019,340,388	-		4,559,475,193
<i>Số dư Cuối kỳ</i>	<u>41,326,585,167</u>	<u>11,038,299,159</u>	<u>79,415,712,814</u>	<u>6,121,164,456</u>	<u>539,858,500</u>	<u>138,441,620,096</u>
Giá trị hao mòn lũy kế						
<i>Số dư Đầu kỳ</i>	19,856,513,219	9,034,547,184	63,294,418,050	3,495,299,113	119,672,167	95,800,449,733
- Khấu hao trong năm	1,424,855,626	344,866,934	3,756,121,052	371,299,958	46,643,543	5,943,787,113
- Thanh lý, nhượng bán	1,902,711,251	31,700,000	1,019,340,388	-		2,953,751,639
<i>Số dư Cuối kỳ</i>	<u>19,378,657,594</u>	<u>9,347,714,118</u>	<u>66,031,198,714</u>	<u>3,866,599,071</u>	<u>166,315,710</u>	<u>98,790,485,207</u>
Giá trị còn lại						
- Tại ngày Đầu kỳ	24,978,506,753	2,003,051,975	14,671,004,470	530,094,343	3,208,333	42,185,865,874
- Tại ngày Cuối kỳ	<u>21,947,927,573</u>	<u>1,690,585,041</u>	<u>13,384,514,100</u>	<u>2,254,565,385</u>	<u>373,542,790</u>	<u>39,651,134,889</u>
- Nguyên giá TSCĐ Cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng;			55,032,021,218			

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường
Bến Nghé, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30/06/2017

Phụ lục 2**14. Thuế và các Khoản phải thu, phải nộp nhà nước**

	<i>Đầu kỳ</i>		<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Số đã thực nộp trong năm</i>	<i>Cuối kỳ</i>	
	<i>Phải thu</i>	<i>Phải nộp</i>			<i>Phải thu</i>	<i>Phải nộp</i>
Thuế GTGT đầu ra phải nộp		3,550,312,883	109,032,522,241	108,977,544,251	-	3,605,290,873
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	(981,630,215)		14,311,738,499	14,874,330,779	(1,544,222,495)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	(3,021,609)		1,989,835,556	1,989,835,556	(3,021,609)	-
Thuế TNDN		8,932,843,026	17,276,859,691	16,851,546,178	-	9,358,156,539
Thuế thu nhập cá nhân		1,064,842,856	7,043,840,914	7,947,070,009	-	161,613,761
Thuế nhà đất, tiền thuê đất			20,214,901	20,214,901	-	-
Thuế môi trường			271,710,800	271,710,800	-	-
Các loại thuế khác		509,460,361	2,011,802,609	2,027,814,971	-	493,447,999
Cộng	(984,651,824)	14,057,459,126	151,958,525,211	152,960,067,445	(1,547,244,104)	13,618,509,172

CÔNG TY CỔ PHẦN KHU' TRUNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường
Bến Nghé, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30/06/2017

Phụ lục 3**18 Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Nội dung	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ VND	Cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2016	176,854,360,000	26,763,978,592	(761,100,000)	231,545,895,350	25,818,269,911	248,998,243,306	709,219,647,159
Tăng vốn trong 6 tháng đầu năm nay	6,000,000,000	-	-	-	-	-	6,000,000,000
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	-	741,100,000	-	-	-	741,100,000
Lãi trong năm 2016	-	-	-	-	-	149,259,219,200	149,259,219,200
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	3,000,000,000	(3,000,000,000)	-
Trích quỹ khen thưởng cho năm 2015 và 2016	-	-	-	-	-	(32,370,618,565)	(32,370,618,565)
Chi trả cổ tức năm 2015 và 2016	-	-	-	-	-	(53,502,088,000)	(53,502,088,000)
Tăng khác	-	-	-	-	55,858,000	-	255,858,000
Giảm khác	-	-	-	-	(2,097,454,000)	(5,345,102,365)	(7,442,556,365)
Số dư tại ngày 31/12/2016	182,854,360,000	26,763,978,592	(20,000,000)	231,545,895,350	26,976,673,911	304,039,653,576	772,160,561,429
Lãi trong 6 tháng	-	-	-	-	-	67,034,341,866	67,034,341,866
Trích quỹ khen thưởng cho năm 2016 và 2017	-	-	-	-	-	(7,454,803,987)	(7,454,803,987)
Tăng vốn trong năm nay	54,847,530,000	-	-	-	-	-	54,847,530,000
Chi trả cổ tức năm 2016	-	-	-	-	-	(27,425,154,000)	(27,425,154,000)
Giảm khác	-	(26,763,978,592)	-	(28,083,551,408)	(7,829,118,000)	(594,927,297)	(63,271,575,297)
Số dư tại ngày 30/06/2017	237,701,890,000	-	(20,000,000)	203,462,343,942	19,147,555,911	335,599,110,158	795,890,900,011